

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công nhận lại các đơn vị cấp xã đạt tiêu chí Quốc gia về y tế năm 2021

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017, năm 2019;

Căn cứ Quyết định số 4667/QĐ-BYT ngày 07/11/2014 của Bộ Trưởng Bộ Y tế về việc ban hành “Bộ tiêu chí quốc gia về y tế xã giai đoạn đến năm 2020”;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Y tế tại Tờ trình số 378/TTr-SYT ngày 25/10/2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận lại 63 đơn vị xã, phường, thị trấn của tỉnh Cà Mau đạt tiêu chí Quốc gia về y tế (có danh sách kèm theo).

Điều 2. Sở Y tế chủ trì, phối hợp với Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố Cà Mau có trách nhiệm tiếp tục kiểm tra các tiêu chí đã đạt được để duy trì, giữ vững danh hiệu đơn vị đạt tiêu chí Quốc gia về y tế cấp xã giai đoạn đến năm 2021; xây dựng cơ sở vật chất, đội ngũ nhân lực, nâng cao chất lượng công tác chăm sóc sức khỏe cho nhân dân để các đơn vị đạt các tiêu chí ở mức độ cao hơn.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Y tế, Thủ trưởng các sở, ngành có liên quan; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố Cà Mau và Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Y tế;
- CT, các PCT UBND tỉnh (để biết);
- LĐVP UBND tỉnh (theo dõi);
- Phòng KGVX (H.Th/11.05);
- Lưu: VT.KL29/11.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lâm Văn Bi

DANH SÁCH
CÔNG NHẬN LẠI 63 XÃ ĐẠT TIÊU CHÍ QUỐC GIA VỀ Y TẾ NĂM 2021
(Ban hành kèm theo Quyết định số: 2384/QĐ-UBND ngày 05/11/2021
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau)



TT	Huyện, thành phố	Xã, phường, thị trấn	Điểm đạt (Tỷ lệ %)	Điểm đạt phúc tra (Tỷ lệ %)
1	Thành phố Cà Mau: 08	1. Phường 5	93,9	93,9
		2. Phường 7	94,4	94,4
		3. Xã Lý Văn Lâm	95,5	95,5
		4. Xã Tân Thành	94,3	94,3
		5. Xã Hòa Thành	95,3	93,3
		6. Xã Tác Vân	96,7	96,7
		7. Xã An Xuyên	94,2	94,2
		8. Xã Định Bình	95	95
2	Huyện Cái Nước: 08	9. Xã Lương Thế Trân	92,5	92,5
		10. Xã Thạnh Phú	95,5	95,5
		11. Xã Hòa Mỹ	96	96
		12. Xã Tân Hưng Đông	93,5	93,5
		13. Xã Đông Hưng	94	94
		14. Xã Tân Hưng	95,5	95,5
		15. Xã Trần Thới	95,5	95,5
		16. Xã Đông Thới	95,5	96
3	Huyện Đầm Dơi: 12	17. Xã Nguyễn Huân	99,2	99,2
		18. Xã Tân Trung	99	99
		19. Xã Tân Dân	95,75	95,75
		20. Xã Ngọc Chánh	95,95	95,95
		21. Xã Thanh Tùng	99,15	99,15
		22. Xã Quách Phẩm	98,8	98,8
		23. Xã Tân Tiến	98,25	98,25
		24. Xã Trần Phán	97,75	97,75
		25. Xã Quách Phẩm Bắc	99,2	99,2
		26. Xã Tạ An Khương Đông	96,25	94,55
		27. Xã Tạ An Khương Nam	99,75	99,75
		28. Xã Tạ An Khương	98	98
4	Huyện Năm Căn: 05	29. Xã Tam Giang	96,5	96,5
		30. Xã Hàng Vịnh	94,5	96,5

		31. Xã Hàm Rồng	93	93
		32. Xã Đất Mới	97,2	97,2
		33. Xã Tam Giang Đông	97,2	97,2
5	Huyện Ngọc Hiến: 04	34. Xã Tân Ân Tây	88,5	88,5
		35. Xã Viên An	90	90
		36. Xã Đất Mũi	87	89
		37. Xã Viên An Đông	90	90
6	Huyện Thới Bình: 06	38. Xã Biển Bạch Đông	93	93
		39. Xã Trí Lược	94,5	94,5
		40. Xã Tân Lộc	97,5	97,5
		41. Xã Tân Phú	92	92
		42. Xã Trí Phải	92,5	92,5
		43. Xã Thới Bình	90,5	93,8
7	Huyện Trần Văn Thời: 07	44. Xã Phong Lạc	96,5	96,5
		45. Xã Khánh Bình Tây Bắc	98,75	98,75
		46. Thị Trấn Sông Đốc	97,5	97,5
		47. Xã Khánh Hưng	98,5	98,5
		48. Xã Khánh Bình Tây	98,5	98,5
		49. Xã Lợi An	98	98
		50. Xã Phong Điền	96,5	97,35
8	Huyện Phú Tân: 06	51. Xã Phú Mỹ	92,3	92,3
		52. Xã Phú Tân	95,1	98
		53. Xã Rạch Chèo	97,05	97,05
		54. Xã Phú Thuận	93,4	93,4
		55. Xã Tân Hưng Tây	94	94
		56. Xã Tân Hải	94	94
9	Huyện U Minh: 07	57. Xã Khánh An	93	95,3
		58. Xã Khánh Hòa	96	96
		59. Xã Khánh Lâm	95,5	95,5
		60. Xã Khánh Tiến	94,5	94,5
		61. Xã Khánh Thuận	95,5	95,5
		62. Xã Nguyễn Phích	93	93
		63. Xã Khánh Hội	95,5	95,5